

450 câu hỏi trắc nghiệm nghiên cứu khoa học y dược

Phần 2

(có đáp án)

Hướng dẫn sử dụng:

Sau mỗi câu hỏi là đáp án được viết cạnh, mục đích giúp các anh chị tiện để theo dõi hoặc nếu có in tài liệu ở dạng đen trắng vẫn có thể nhìn rõ đáp án.

Câu 60: Theo nghị định 62/2020/NĐ-CP, ngày 01/06/2020 về Vị trí việc làm và biên chế công chức. Xác định phương án đúng “Vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm”

là một trong những căn cứ

→ Là đáp án

- A. Xác định cơ cấu ngạch công chức
- B. Tất cả các phương án đều đúng

BÀI 5 - MẪU VÀ PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU

Câu 1: Lớp dược có 160 sinh viên, trong đó có 40 nữ, để biết tuổi trung bình của lớp, giáo viên hỏi tuổi của 60 sinh viên, để từ đó tính số tuổi trung bình. Giáo viên chọn 1 số ngẫu nhiên là 3, những sinh viên có số thứ tự 3,7,11,15,... trong danh sách lớp sẽ được chọn. Đây là cách chọn mẫu:

- A. Ngẫu nhiên đơn. B. Cụm. C. Thuận tiện. D. Hệ thống.

Câu 2: Thường trong CHỌN MẪU người ta HAY DÙNG:

- A. Chọn mẫu hệ thống. B. Chọn mẫu chùm.
- C. Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn. D. Chọn mẫu nhiều giai đoạn.

Câu 3: Các phát biểu ĐÚNG về phương pháp chọn mẫu NGẪU NHIÊN ĐƠN, NGOẠI TRỪ:

- A. Có thể chọn bằng phương pháp bốc thăm.
- B. Có thể lồng vào các kỹ thuật chọn mẫu khác.
- C. Cách làm đơn giản, tính đại diện cao.
- D. Có thể không cần phải có khung mẫu.

Câu 4: “Mẫu mà những cá thể được chọn theo một khoảng cách đều đặn từ khung mẫu”, là phương pháp chọn mẫu nào?

- A. Chọn mẫu phân tầng. B. Chọn mẫu nhiều giai đoạn.
- C. Chọn mẫu hệ thống. D. Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn.

Câu 5: Muốn xem sự khác biệt giữa 2 nhóm trình độ cao thấp, phương pháp chọn mẫu nào không thể thiếu?

- A. Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn.
- B. Chọn mẫu phân tầng.
- C. Chọn mẫu hệ thống.
- D. Chọn mẫu chùm.

Câu 6: Khi chọn mẫu cụm, mẫu nhiều giai đoạn, để đảm bảo tính chính xác của mẫu nghiên cứu, nhà nghiên cứu thường nhân với một hiệu lực thiết kế (D). Giá trị của D thường sử dụng là:

- A. 3
- B.
- 5
- C.
- 4
- D. 2

Câu 7: ĐƠN VỊ nghiên cứu:

- A. Là một chủ thể mà đo lường sẽ được làm trên chủ thể đó.
- B. Là tập hợp các cá thể để sử dụng chọn mẫu.
- C. Là đơn vị của quần thể được chọn vào mẫu.
- D. Là một danh sách các đơn vị lấy mẫu.

Câu 8: Các ƯU ĐIỂM của chọn mẫu NGẪU NHIÊN ĐƠN, NGOẠI TRỪ:

- A. Tính đại diện cao.
- B. Có thể lòng vào các kỹ thuật chọn mẫu khác.
- C. Cách làm đơn giản.
- D. Cần phải có khung mẫu.

Câu 9: Một phương pháp chọn mẫu ƯU VIỆT hiện nay là:

- A. SPP.
- B. PPS.
- C. PSP.
- D. PSS.

Câu 10: Trong nghiên cứu về tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi, cỡ mẫu cần chọn là 100 người, nhà nghiên cứu tiến hành chọn mẫu như sau: Họ lấy danh sách trẻ dưới 5 tuổi được 500 trẻ, họ chọn trẻ đầu tiên là trẻ số 2, cứ 5 trẻ họ lấy một trẻ đến khi đủ số trẻ nghiên cứu. Cách chọn mẫu trên là:

- A. Chọn mẫu cụm.
- B. Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn.
- C. Chọn mẫu phân tầng.
- D. Chọn mẫu hệ thống.

Câu 11: Trong CÔNG THỨC tính cỡ mẫu, ký hiệu p là:

- A. Hệ số tin cậy.
- B. Tỷ lệ ước đoán.
- C. Khoảng sai lệch.
- D. Mức ý nghĩa.

Câu 12: Chọn mẫu NGẪU NHIÊN ĐƠN:

- A. Đây là dạng đơn giản nhất của mẫu xác suất.

B. Là mẫu mà tất cả các thể trong quần thể có cùng cơ hội để chọn vào mẫu.

C. Câu A và B đúng.

D. Câu A và B sai.

Câu 13: Trong CÔNG THỨC tính cỡ mẫu, ký hiệu α là:

A. Tỷ lệ ước đoán. B. Hệ số tin cậy. C. Mức ý nghĩa. D. Khoảng sai lệch.

Câu 14: "Đơn vị lấy mẫu" là gì?

A. Bản đồ đơn vị mẫu.

B. Đơn vị quần thể được chọn vào mẫu.

C. Danh sách đơn vị mẫu.

D. Nhóm cá thể được khảo sát, đo lường.

Câu 15: Phương pháp chọn mẫu mà nhà nghiên cứu đã xác định trước các NHÓM QUAN TRỌNG để tiến hành thu thập số liệu là phương pháp:

A. Chọn mẫu hệ thống. B. Chọn mẫu thuận tiện.

C. Chọn mẫu chỉ tiêu. D. Chọn mẫu mục đích.

Câu 16: NHƯỢC ĐIỂM của chọn mẫu NGẪU NHIÊN ĐƠN là:

A. Cá thể bị mất dấu.

B. Cá thể được chọn tản mạn.

C. Cá thể không đáp ứng.

D. Cá thể được chọn không đại diện quần thể.

Câu 17: SỐ CỤM hay gặp trong:

A. Chọn mẫu phân tầng. B. Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn.

C. Chọn mẫu chùm. D. Chọn mẫu hệ thống.

Câu 18: Các YẾU TỐ ảnh hưởng đến CỠ MẪU nghiên cứu, NGOẠI TRỪ:

A. Mức độ tham gia của đối tượng nghiên cứu.

B. Phương pháp chọn mẫu.

C. Khả năng thực thi.

D. Thiết kế nghiên cứu.

Câu 19: Việc chọn những NHÓM các đơn vị nghiên cứu thay cho việc chọn CÁ NHÂN những đơn vị nghiên cứu là phương pháp của chọn mẫu gì?

- A. Chọn mẫu phân tầng. B. Chọn mẫu ngẫu nhiên.
- C. Chọn mẫu chùm. D. Chọn mẫu nhiều giai đoạn.

Câu 20: Chọn mẫu NGẪU NHIÊN ĐƠN, bạn cần:

- A. Chọn đơn vị mẫu sử dụng phương pháp “bốc thăm” hoặc sử dụng “bảng số ngẫu nhiên”.
- B. Lập danh sách toàn bộ những đơn vị trong quần thể từ đó bạn muốn rút ra một mẫu.
- C. Câu A và B đúng.
- D. Câu A và B sai.

Câu 21: Trong CÔNG THỨC tính cỡ mẫu, ký hiệu Z là:

- A. Khoảng sai lệch. B. Mức ý nghĩa. C. Tỷ lệ ước đoán. D. Hệ số tin cậy

Câu 22: Các phương pháp chọn mẫu KHÔNG XÁC SUẤT bao gồm, NGOẠI TRỪ:

- A. Chọn mẫu thuận tiện. B. Chọn mẫu mục đích.
- C. Chọn mẫu nhiều giai đoạn. D. Chọn mẫu chỉ tiêu.

Câu 23: Các LÝ DO cần chọn mẫu, NGOẠI TRỪ:

- A. Không đủ nhân lực, vật lực, kinh phí, thời gian.
- B. Kết quả nghiên cứu trên mẫu vẫn cho phép ngoại suy ra cho toàn bộ quần thể đó.
- C. Do yêu cầu tính giá trị của nghiên cứu.
- D. Có nhiều sai số khi triển khai nghiên cứu lớn.

Câu 24: Yêu cầu QUAN TRỌNG NHẤT của chọn mẫu là:

- A. Mẫu phải thuận tiện. B. Mẫu phải đại diện.
- C. Mẫu phải đơn giản. D. Tất cả đều đúng.

Câu 25: Các YẾU TỐ ảnh hưởng đến CỠ MẪU nghiên cứu, NGOẠI TRỪ:

- A. Phương pháp chọn mẫu.
- B. Mức độ trầm trọng của vấn đề nghiên cứu.
- C. Độ lớn của tham số được nghiên cứu.
- D. Loại thiết kế nghiên cứu.

Câu 26: KHUNG MẪU nghiên cứu:

- A. Là một chủ thể mà đo lường sẽ được làm trên chủ thể đó.
- B. Là tập hợp các cá thể để sử dụng chọn mẫu.
- C. Là một danh sách các đơn vị lấy mẫu.